

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về ban
hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh Gia Lai (sau đây
gọi tắt là Chương trình), với các nội dung cụ thể như sau:**

I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt chủ trương của Đảng về cải cách hành chính là một trong những
đột phá phát triển đất nước; gắn cải cách hành chính đồng bộ với cải cách lập pháp,
cải cách tư pháp và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, góp phần xây dựng,
hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy
người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là
thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

3. Các nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có
trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thúc đẩy thực hiện
thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn.

4. Cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và
hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ
sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của
các cơ quan hành chính nhà nước; tận dụng có hiệu quả thành tựu, tiến bộ khoa học
và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư,
với lộ trình, bước đi phù hợp, tránh mọi biểu hiện bàng quan, thiếu tự tin, thụ động,
nhưng không nóng vội, chủ quan, duy ý chí.

5. Cải cách hành chính phải kế thừa, phát huy những thành tựu đã đạt được
trong cải cách hành chính nhà nước giai đoạn vừa qua; tiếp thu những kinh nghiệm,

những bài học thành công trong cải cách của các địa phương trong cả nước để vận dụng vào thực tiễn một cách phù hợp.

II. MỤC TIÊU CHUNG

Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, xây dựng nền hành chính đảm bảo liên thông, đồng bộ, thống nhất và hội nhập nhằm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên địa bàn và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. NỘI DUNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030 tập trung vào 6 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính (TTHC); Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Trọng tâm cải cách hành chính trong thời gian tới là: Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của tỉnh, trong đó, chú trọng thực hiện đảm bảo chế độ, chính sách nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

1. Mục tiêu

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính nhà nước trên tất cả các lĩnh vực tại địa phương; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp; TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết TTHC trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, định rõ việc của cơ quan hành chính nhà nước. Tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và sắp xếp, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo quy định. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và

nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, Chính quyền điện tử, Chính quyền số góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

a) Đến năm 2025

- Cải cách thể chế

- + Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Công tác rà soát và xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo kịp thời, phù hợp với quy định pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- + Triển khai đầy đủ, đồng bộ các quy định về theo dõi thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Cải cách TTHC

- + Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành.

- + Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 30% trở lên.

+ Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022-2025 mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

+ Tối thiểu 80% TTHC của tỉnh, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% TTHC được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

+ 90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp thuận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

+ Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước.

+ Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

+ Giảm tối thiểu 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

- Cải cách chế độ công vụ

+ Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ

năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

- + Từ 20% trở lên cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh ở những vị trí công việc thường xuyên có quan hệ quốc tế phải có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

- + Chuyển đổi việc quản lý cán bộ, công chức, viên chức từ hồ sơ giấy sang quản lý hồ sơ điện tử trên phần mềm quản lý hồ sơ điện tử.

- Cải cách tài chính công

- + Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước theo hướng bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương và chủ động, tích cực của ngân sách địa phương.

- + Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- + 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc.

- + Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh duy trì kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- + 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

- + Tối thiểu 80% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

- + Hệ thống báo cáo của tỉnh được duy trì kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- + Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: 100% cấp tỉnh, 80% cấp huyện thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của Ủy ban nhân dân.

- + Tối thiểu 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- + Tối thiểu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Phát huy hiệu quả việc vận hành Phần mềm quản lý giao việc để theo dõi nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, bảo đảm hiện thị theo thời gian thực.

b) Định hướng đến năm 2030

- Cải cách thể chế

Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ hệ thống thể chế của nền hành chính nhà nước trên tất cả các lĩnh vực tại địa phương. Bên cạnh đó, hoàn thiện và phát huy hiệu quả của việc triển khai các cơ chế, hoạt động về tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Cải cách TTHC

+ 100% TTHC yêu cầu có nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

+ Tối thiểu 90% TTHC của tỉnh có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

+ 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

+ Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng giảm hợp lý đầu mối các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; giảm mạnh đầu mối các tổ chức trung gian.

+ Tiếp tục giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

- Cải cách chế độ công vụ

+ Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ: 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương, trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương, 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

+ 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

- Cải cách tài chính công

Hoàn thiện đầy đủ và đồng bộ hệ thống pháp luật để thể chế hóa các chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

- Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

+ 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; tối thiểu 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

+ Tối thiểu 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Tối thiểu 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

2. Nhiệm vụ

a) Cải cách thể chế

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật:

+ Thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự, thủ tục trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên môn của các hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học và tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

+ Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

+ Hoàn thiện quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

+ Thực hiện kịp thời, đúng tiến độ xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL; khắc phục tình trạng chậm trễ trong công tác xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL”.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật:

+ Triển khai kịp thời, hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm trên địa bàn tỉnh.

+ Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới

phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

- + Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

- + Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

- + Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

b) Cải cách TTHC

- Thực hiện nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong cải cách TTHC gắn với đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo hiệu quả cải cách TTHC tại cơ quan, đơn vị.

- Rà soát, đơn giản hóa TTHC:

- + Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện; kiến nghị với cấp có thẩm quyền (Bộ, ngành) loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức, loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng công nghệ số và cơ sở dữ liệu sẵn có.

- + Trên cơ sở cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của cấp có thẩm quyền (Bộ, ngành), tổ chức triển khai có kết quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

- + Rà soát, thống kê và đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Hoàn thành đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, đơn vị hành chính, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà, tiêu cực, phiền hà cho Nhân dân.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC thông qua tăng cường đối thoại, lắng ý kiến người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành và thanh toán các khoản phí liên quan đến kiểm tra chuyên ngành trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trong năm 2022, hoàn thành kết nối Hệ thống thông tin một cửa của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tiếp tục vận hành có hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

c) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tổ chức sắp xếp, kiện toàn các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước:

- + Hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bên trong của các cơ quan, đơn vị bảo đảm các tiêu chí về thành lập tổ chức theo quy định của Chính phủ.

- + Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- + Tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

- + Sắp xếp, giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

- Tổ chức sắp xếp, kiện toàn các đơn vị hành chính:

- + Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã theo quy định của pháp luật.

- + Thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố.

- Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập:

- + Thực hiện đúng các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng ngành, lĩnh vực; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các lĩnh vực: Y tế; giáo dục và đào tạo; lao động, thương binh và xã hội; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông.

- + Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

- + Triển khai thực hiện các biện pháp đổi mới phương thức quản lý, tổ chức và hoạt động để nâng cao năng lực quản trị.

- Tăng cường phân cấp, uỷ quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, giữa cấp trên và cấp dưới gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

+ Đề xuất nội dung định hướng phân cấp và các văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để các bộ, ngành tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và triển khai các giải pháp trọng tâm, thiết thực và khả thi để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phân cấp quản lý nhà nước giữa trung ương và địa phương đối với từng ngành, lĩnh vực.

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý giữa các cấp trên địa bàn tỉnh.

+ Triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

- Triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

d) Cải cách chế độ công vụ

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các văn bản pháp luật về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức,... bảo đảm đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/6/2021 của Tỉnh uỷ về Nghị quyết Hội nghị lần thứ Ba Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVI về tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, tỉnh Gia Lai đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Hoàn thiện và ban hành quyết định vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

- Phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Triển khai thực hiện các quy định về tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

- Tổ chức cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

- Triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng và tương đương.

- Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

- Triển khai có hiệu quả các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức; triển khai thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo hướng đầy mạnh tự chủ.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; nâng cao thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. Thực hiện bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và yêu cầu của vị trí việc làm, bảo đảm không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả theo nội dung chương trình đã được sửa đổi, bổ sung.

- Triển khai hiệu quả cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài, nhất là trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

đ) Cải cách tài chính công

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước. Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy định về thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên cơ sở cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Bảo đảm quản lý việc sử dụng có hiệu quả các khoản vay lại của Chính phủ vay vốn ODA theo đúng quy định.

- Hoàn thiện cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

+ Cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung; thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

+ Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

- Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa:

+ Đề xuất, tham mưu cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ).

+ Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

- Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 07/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; trong đó tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển. Chú trọng thu hút có chọn lọc các nguồn lực từ bên ngoài và tranh thủ cơ hội chuyển dịch làn sóng đầu tư, thu hút vốn đầu tư quốc tế. Xây dựng các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển của tỉnh. Đổi mới cơ chế chính sách thu hút đầu tư, xây dựng, bổ sung cơ chế khuyến khích đối với các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt cam kết. Triển khai cơ chế đánh giá an ninh và tiến hành rà soát an ninh đối với các dự án hoạt động đầu tư nước ngoài có thể ảnh hưởng đến an ninh trên địa bàn tỉnh.

e) Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Hoàn thiện môi trường pháp lý:

+ Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý của tỉnh hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chính quyền số các cấp theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.

+ Triển khai các quy định về định danh và xác thực điện tử, hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.

+ Triển khai các chính sách, quy định pháp lý nhằm khuyến khích người dân,

doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.

- Phát triển hạ tầng số:

+ Phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

+ Phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tại tỉnh.

+ Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

+ Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các địa phương.

- Phát triển nền tảng và hệ thống số:

+ Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

+ Phát triển các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi của tỉnh để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu...

+ Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Phát triển dữ liệu số:

+ Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số, Chính quyền số trong nội bộ của tỉnh; phối hợp thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

+ Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

+ Phát triển hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Phối hợp kết nối, tích hợp theo thời gian thực giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh tại các cấp chính quyền với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

+ Kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh với Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

+ Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

+ Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh theo nhu cầu.

+ Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

+ Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước.

+ Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

+ Hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Phối hợp hoàn thiện cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và Cổng tham vấn điện tử theo Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

+ Phối hợp triển khai, xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước theo hướng dẫn của Trung ương.

+ Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ việc ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Xây dựng, phát triển đô thị thông minh:

+ Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm

hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

+ Triển khai các dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh tại thành phố Pleiku; kịp thời sơ kết đánh giá và nhân rộng các mô hình hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện cải cách hành chính từ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đến các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của cơ quan thường trực cải cách hành chính của tỉnh và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính trong Chương trình. Có cơ chế phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính để bảo đảm Chương trình được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình trong phạm vi quản lý của mình; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong cải cách hành chính.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Cải cách hành chính không chỉ là công việc riêng của hệ thống hành chính, mà là yêu cầu chung của toàn xã hội. Vì vậy, cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin để mọi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân, doanh nghiệp nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính của Đảng, Nhà nước. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Cần phải tiếp tục sử dụng công cụ, biện pháp thiết thực để phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, như tăng cường lấy ý kiến người dân đối với việc xây dựng thể chế, chính sách, đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

3. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính.

Huy động và bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ

chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Nâng cao năng lực nghiên cứu và chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương. Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với Nhân dân. Tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng nhiều biện pháp, như: Đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến nâng cao lợi ích của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng chính sách phụ cấp, khen thưởng thỏa đáng; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc; cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện cải cách hành chính.

5. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thường xuyên tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá.

Thường xuyên tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai dưới nhiều hình thức khác nhau, trên các nội dung khác nhau như đánh giá nội bộ về việc giải quyết TTHC; đánh giá của các tổ chức, cá nhân về việc giải quyết TTHC... của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình giải quyết TTHC của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã cho Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền các cấp ở địa phương.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Ngân sách tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Các các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

4. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai Chương trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch cải cách hành chính để triển khai thực hiện Chương trình, bảo đảm đúng lộ trình cải cách của tỉnh, của Chính phủ. Căn cứ điều kiện cụ thể, các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động xây dựng, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 5 năm hoặc cả giai đoạn 2021 - 2030 để tổ chức thực hiện.

b) Căn cứ nhiệm vụ được phân công phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính trong Chương trình tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nội dung cải cách hành chính ở tỉnh.

c) Lập dự toán kinh phí để thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án và nhiệm vụ cải cách hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh.

d) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Sở Nội vụ tình hình thực hiện Chương trình theo hướng dẫn của Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Bảo đảm chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát TTHC theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nội vụ:

a) Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

b) Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Chương trình.

d) Hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hàng năm.

đ) Thẩm định các đề án thí điểm cải cách hành chính do các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng báo cáo cải cách hành chính hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Chương trình.

g) Kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Chương trình; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh

báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất.

h) Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

i) Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

k) Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức ở các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo cơ chế, chính sách thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương theo quy định.

l) Chủ trì triển khai công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính. Hàng năm, xây dựng, triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.

m) Đến năm 2025, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành sơ kết, đến năm 2029 tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình tổng thể.

3. Sở Tư pháp:

a) Chủ trì triển khai nội dung cải cách thể chế.

b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện và vận hành Cơ sở dữ liệu hộ tịch theo Kế hoạch số 2840/KH-UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Đề án “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Chủ trì triển khai nội dung cải cách TTHC.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc vận hành, tích hợp, kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; phối hợp với Văn phòng Chính phủ trong việc hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và Công tham vấn điện tử.

c) Chủ trì đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương trong việc đổi mới lề lối, phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; điều hành dựa trên dữ liệu số; theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo thời gian thực; duy trì kết nối hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

5. Sở Tài chính:

a) Chủ trì triển khai nội dung cải cách tài chính công.

b) Hằng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và trên cơ sở dự toán được lập theo đúng quy định của các sở, ban, ngành, địa phương, kiểm tra, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành để thực hiện các nhiệm vụ CCHC

c) Căn cứ vào hướng dẫn của Trung ương, chủ trì thực hiện và hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổng hợp tình hình triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét việc hỗ trợ kinh phí từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển (ODA) cho địa phương để thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính thống nhất, đồng bộ trên toàn quốc.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì triển khai nội dung phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc vận hành, tích hợp, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

8. Sở Y tế:

a) Chủ trì, tham gia rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ y tế. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

b) Chủ trì, theo dõi, hướng dẫn và tổng hợp việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công theo quy định của Bộ Y tế.

c) Tham gia xây dựng, triển khai đổi mới chính sách bảo hiểm y tế theo quy định.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì, tham gia rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Chỉ đạo rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường, lớp mầm non, phổ thông đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động của ngành theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017, Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Chủ trì, theo dõi, hướng dẫn và tổng hợp việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, tham gia rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

b) Chủ trì thực hiện chính sách tiền lương đối với người lao động trong các loại hình doanh nghiệp, chính sách bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công; phối hợp với Sở Nội vụ triển khai thực hiện chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức.

11. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất hoàn thiện và thực hiện các quy định pháp luật về đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

b) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp và thực hiện đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

12. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

Thực hiện rà soát các cơ chế, chính sách xã hội hóa hiện hành, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, địa phương đề xuất, tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch phù hợp với điều kiện của tỉnh.

13. Công an tỉnh:

a) Chủ trì triển khai, khai thác và cập nhật có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Chủ trì quản lý xác thực và định danh điện tử qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua Hệ thống do Bộ Công an xây dựng.

b) Nghiên cứu, đề xuất, thực hiện đổi mới công tác quản lý cư trú theo hướng hiện đại với lộ trình, bước đi phù hợp.

14. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:

a) Nghiên cứu, thực hiện đổi mới công tác kiểm soát xuất, nhập cảnh, tiến tới kiểm soát tự động, thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử tạo thuận lợi cho các hoạt động xuất, nhập cảnh qua các cửa khẩu do tỉnh quản lý.

b) Nghiên cứu, triển khai thực hiện Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý nhằm đẩy mạnh cải cách TTHC, thực hiện thủ tục biên phòng từ cách thức thủ công sang cách thức điện tử thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, làm cơ sở kết nối giữa Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử với Cổng thông tin một cửa Quốc gia. Đảm bảo sự bình đẳng, công khai, minh

bach, nhanh chóng, an toàn, thuận tiện; tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, xuất nhập cảnh và phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.


15. Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thị xã, thành phố, Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh, Trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan thông tin, báo chí Trung ương tại địa phương:

a) Đăng tải, phổ biến nội dung Quyết định này và có kế hoạch thông tin, tuyên truyền thường xuyên về quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

b) Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền Chương trình và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐ CCHC Chính phủ (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể ở các cấp;
- UBND cấp xã (do UBND cấp huyện gửi);
- Trường Chính trị tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc tại địa phương;
- Phòng: TTTH, KTTH, HCQT, KGVX, CNXD, NC - Văn phòng UBND tỉnh (theo dõi/thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh (tuyên truyền);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Đỗ Tiến Đông



Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC TỈNH GIA LAI
ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số 602 /QĐ-UBND ngày 17 /09 /2021 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
I. CÁCH THỨC CHẾ					
1	Triển khai công tác pháp chế và công tác văn bản quy phạm pháp luật (QPPL).	Sở Tư pháp	Văn phòng Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh; Các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	1. Kế hoạch triển khai công tác pháp chế và công tác văn bản QPPL của tỉnh. 2. Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch. 3. Các Thông báo, kết luận kiểm tra và các văn bản xử lý các vấn đề phát hiện (nếu có).	Hàng năm
2	Lập danh mục văn bản quy định chi tiết Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Lệnh, Nghị quyết của Chủ tịch nước.	Sở Tư pháp	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan, đơn vị có liên quan	Quyết định hoặc Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh; Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về Danh mục văn bản quy định chi tiết Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Lệnh, Nghị quyết của Chủ tịch nước.	Sau khi có thông báo bằng văn bản của Bộ Tư pháp




STT		Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
3	Triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật.	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	1. Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh. 2. Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch. 3. Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền (nếu có).	Hàng năm


II. CÁCH THỨC THỰC HÀNH CHÍNH

01	Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong cải cách TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn	Kết quả cải cách TTHC tại cơ quan, đơn vị	Năm 2021 và các năm tiếp theo
02	Rà soát, đơn giản hóa các TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Bưu điện các cấp/ Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn	Báo cáo kết quả rà soát của các cơ quan, đơn vị và địa phương gửi về Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 15/8 hàng năm	Năm 2021 và các năm tiếp theo




STT		Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
03	Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức	Văn phòng UBND tỉnh	Bưu điện các cấp/ Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn	Niên yết, công khai TTHC tại Trung tâm PVHCC, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; Trang thông tin điện tử của tỉnh...	Năm 2021 và các năm tiếp theo
04	Thực hiện triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Bưu điện các cấp/ Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh được báo cáo tại Báo cáo kiểm soát TTHC các quý, năm	Năm 2021 và các năm tiếp theo
05	Kế hoạch thực hiện Đề án “Phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính”	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Hoàn thành trong năm 2022, phải đạt ít nhất 20% TTHC được phân cấp
06	Đẩy mạnh nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Bưu điện các cấp/ Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố;	Những sáng kiến, giải pháp được áp dụng mang lại hiệu quả trong giải quyết TTHC	Năm 2021 và các năm tiếp theo


STT	 Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
			UBND các xã, phường, thị trấn		
07	Quy trình giải quyết nhóm thủ tục hành chính liên thông, tập trung trên các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đầu tư, y tế, việc làm, chính sách xã hội,...	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan có liên quan	Quyết định UBND tỉnh	Theo chỉ đạo của UBND tỉnh
08	Hoàn thành kết nối Hệ thống thông tin một cửa của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hợp nhất Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh với Cổng Dịch vụ công	Theo Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 29/4/2021
09	Tiếp tục vận hành có hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp	UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn	Quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch an toàn, hiệu quả	Năm 2021 và các năm tiếp theo
10	Tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong giải quyết TTHC.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn	Kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị	Năm 2021 và các năm tiếp theo
11	Đẩy mạnh thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành và thanh toán các khoản phí liên quan đến kiểm tra chuyên ngành trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn	Các sở, ban, ngành tỉnh	Thanh toán các khoản phí liên quan đến kiểm tra chuyên ngành trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Sau khi Chính phủ có văn bản chỉ đạo, hướng

STT		Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
		phòng UBND tỉnh			dẫn của các Bộ, ngành.


III. CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1	Hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bên trong của các cơ quan, đơn vị bảo đảm các tiêu chí về thành lập tổ chức theo quy định của Chính phủ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2021
2	Đề xuất nội dung định hướng phân cấp và các văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để các bộ, ngành tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và triển khai các giải pháp trọng tâm, thiết thực và khả thi để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phân cấp quản lý nhà nước giữa trung ương và địa phương đối với từng ngành, lĩnh vực	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn bản đề xuất	Năm 2021
3	Rà soát, bổ sung, ban hành lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Sau khi có hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương
4	Rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Năm 2021 và các năm tiếp theo

STT		Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
	120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ		huyện, thị xã, thành phố		
5	Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định của Chính phủ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2022 và các năm tiếp theo
6	Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định phân cấp quản lý	Năm 2021 và các năm tiếp theo
7	Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã theo quy định của pháp luật; Thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Năm 2021 và các năm tiếp theo
IV. CẢI CÁCH CÔNG VỤ					
1	Hoàn thiện và ban hành quyết định vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Quý II/2022
2	Phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các	Quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Năm 2022


STT	 Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
	vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập		huyện, thị xã, thành phố		
3	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn của tỉnh; tập trung bồi dưỡng các kỹ năng chuyên sâu về quản lý nhà nước, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Năm 2022 và các năm tiếp theo
4	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức; quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các phần mềm, ứng dụng, sản phẩm về công nghệ thông tin	Năm 2022 và các năm tiếp theo
5	Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/6/2021 của Tỉnh ủy về Nghị quyết Hội nghị lần thứ Ba Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, tỉnh Gia Lai đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2021 và các năm tiếp theo


STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
V. CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG					
1	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐCP; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2021 và các năm tiếp theo
2	Giao quyền tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Năm 2021 và các năm tiếp theo
3	Thực hiện quản lý tài sản công theo quy định của Luật Quản lý tài sản công năm 2017 và Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Năm 2021 và các năm tiếp theo
4	Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp nhà nước	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định thực hiện thoái hoá vốn nhà nước	Năm 2021 và các năm tiếp theo


STT		Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
5	Chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định thực hiện thoái hoá vốn nhà nước	Năm 2021 và các năm tiếp theo


VI. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ


1	Hoàn thiện môi trường pháp lý				
1.1	Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý của tỉnh hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chính quyền số các cấp theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.	Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan		Báo cáo định kì về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh hằng năm	Năm 2021 và các năm tiếp theo
1.2	Triển khai các quy định về định danh và xác thực điện tử, hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.	Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Bưu điện tỉnh	Báo cáo định kì về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh hằng năm	Năm 2021 và các năm tiếp theo
1.3	Triển khai các chính sách, quy định pháp lý về thuế, phí nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.	Cục Thuế tỉnh; Sở Tài chính; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh.	Báo cáo định kì về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh hằng năm	Năm 2021 và các năm tiếp theo
2	Phát triển hạ tầng số				


STT	 Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
2.1	Phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành tỉnh.	Hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số trên địa bàn tỉnh	Năm 2021 và các năm tiếp theo
2.2	Phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số tại tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số tại tỉnh	Năm 2021 và các năm tiếp theo
2.3	Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước	Năm 2021 và các năm tiếp theo
2.4	Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các đơn vị, địa phương.	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND		Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số	Sau khi Chính phủ có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Văn phòng Chính


STT		Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
		các huyện, thị xã, thành phố			phủ, Bộ Tư pháp
3	Phát triển nền tảng và hệ thống số				
3.1	Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	Năm 2021 và các năm tiếp theo
3.2	Phát triển các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi của tỉnh để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu...	Các sở, ban, ngành tỉnh		Các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi của tỉnh	Năm 2021 và các năm tiếp theo
3.3	Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính phủ số.	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp	Năm 2021 và các năm tiếp theo
4	Phát triển dữ liệu số				

STT		Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
4.1	Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ của tỉnh; phối hợp thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.	Các sở, ban, ngành		Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ của tỉnh	Năm 2021 và các năm tiếp theo
4.2	Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước	Năm 2021 và các năm tiếp theo
4.3	Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh	Năm 2021 và các năm tiếp theo
5	Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ				
5.1	Phát triển hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2021 và các năm tiếp theo

STT		Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
		phòng Ủy ban nhân dân tỉnh			
5.2	Phối hợp kết nối, tích hợp theo thời gian thực giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh tại các cấp chính quyền với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	Sở Thông tin và Truyền thông.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Phối hợp kết nối, tích hợp theo thời gian thực giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh tại các cấp chính quyền với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo hướng dẫn của Chính phủ	Năm 2021 và các năm tiếp theo
5.3	Kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh với Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh với Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Năm 2021 và các năm tiếp theo
5.4	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ	100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	Năm 2021 và các năm tiếp theo

STT		Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
	sơ công việc, dịch vụ của các cơ quan nhà nước theo quy định.				
5.5	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh theo nhu cầu.	Các sở, ban, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông	các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh theo nhu cầu	Năm 2021 và các năm tiếp theo
5.6	Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	Năm 2021 và các năm tiếp theo
5.7	Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	Năm 2021 và các năm tiếp theo
5.8	Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các	Sở Thông tin và Truyền thông	100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên	Năm 2021 và các năm tiếp theo

STT	 Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
	tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.	huyện, thị xã, thành phố		môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	
6	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp				
6.1	Hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh	Năm 2022
6.2	Phối hợp hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và Cổng tham vấn điện tử theo Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025 theo hướng dẫn của Trung ương.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và Cổng tham vấn điện tử	Năm 2021 và các năm tiếp theo
6.3	Phối hợp triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước theo hướng dẫn của Chính phủ.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Phối hợp triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính	Năm 2021 và các năm tiếp theo

STT		Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian thực hiện/thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/cơ quan thực hiện		
				sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.	
6.4	Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ việc ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ việc ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt tới tất cả người dân	Năm 2021 và các năm tiếp theo
7	Xây dựng, phát triển đô thị thông minh				
7.1	Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND thành phố Pleiku và các đơn vị liên quan.		Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế	Năm 2021 và các năm tiếp theo
7.2	Triển khai các dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh tại thành phố Pleiku; kịp thời sơ kết đánh giá và nhân rộng các mô hình hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn.	UBND thành phố Pleiku, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan.		Triển khai đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh	Năm 2021 và các năm tiếp theo